

Số: 1077 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp:
Cung cấp công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa Nhà máy Thủy điện
Đồng Nai 5 năm 2026.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng Công ty Điện lực-TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026.

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-ĐN5 ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2026;

Căn cứ Biên bản đánh giá các bản chào giá ngày 07/7/2026 của Tổ tư vấn.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 10/7/2026 giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Công ty CP Đầu Tư RES;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 21/7/2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2026 với các nội dung sau:

1.Tên nhà cung cấp được lựa chọn: Công ty CP Đầu Tư RES. Địa chỉ: 263/19/2 Liên tỉnh 5 , P.Bình Đông , TP.Hồ Chí Minh.

2. Chứng loại vật tư, số lượng, giá trị: Chi tiết như phụ lục kèm theo.

3. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 395 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trong đó tiến độ cung cấp hàng là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bảo hành 365 ngày kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư phối hợp Tổ tư vấn và các đơn vị liên quan thực hiện các bước tiếp theo của quy trình lựa chọn Nhà cung cấp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan, Tổ tư vấn và nhà cung cấp được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang Websites TKV (để đăng tải)
- Trang Websites ĐLTKV (để đăng tải)
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐTVT.D(03)

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC:
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC HÀNG HÓA CUNG CẤP
(Đính kèm quyết định Số: 1077/QĐ-ĐN5 ngày 21 / 7 /2026)

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
1	Ampe kim Kyoritsu 2300R	Model: Kyoritsu 2300R	Kyoritsu / Trung Quốc	Cái	1	3.744.000	3.744.000	8%	299.520	4.043.520	12 Tháng	
2	Bộ lục giác 9 cây	Model: Stanley 92-625	Stanley/ Trung Quốc	bộ	1	787.800	787.800	8%	63.024	850.824		
3	Thước dây	5m cuộn thước thép	KDS/ Trung Quốc	cái	3	106.080	318.240	8%	25.459	343.699		
4	Thước dây	10m cuộn thước thép	KDS/ Trung Quốc	cái	3	241.800	725.400	8%	58.032	783.432		
5	Súng bắn silicon	Model: THT21509 9"	Tolal/ Trung Quốc	cái	5	187.200	936.000	8%	74.880	1.010.880		
6	Lưỡi cưa sắt 2 mặt	2 mặt màu đen 30cm	DBK/ Trung Quốc	cái	5	10.920	54.600	8%	4.368	58.968		
7	Dụng cụ bơm lốp xe ô tô dùng khí Total	TAT11601 kèm đồng hồ đo áp suất	Total/ Trung Quốc	Cái	1	372.840	372.840	8%	29.827	402.667		
8	Bộ vá xe máy	gồm bơm tay, 3 cây nạy vỏ, 1 miếng nhám, 1 hộp keo và 24 miếng vá	Stop& go /VN	bộ	1	195.000	195.000	8%	15.600	210.600		
9	Thước dây 50m	Vạch kaidan Niigata Seiki Modle: GFM-50KD	Seiki/Nhật Bản	cái	2	2.012.400	4.024.800	8%	321.984	4.346.784		
10	Thước thủy cân bằng dạng hộp	Model: Stanley STHT43118-8 Chiều dài: 300mm	Stanley/ Trung Quốc	cái	1	327.600	327.600	8%	26.208	353.808		
11	Thước thủy cân bằng dạng hộp	Model: Stanley STHT43103-8 Chiều dài: 800mm	Stanley/ Trung Quốc	cái	1	491.400	491.400	8%	39.312	530.712		
12	Tấm che mặt bảo vệ	Model: TOTAL TSP610	Total/ Trung Quốc	cái	5	177.840	889.200	8%	71.136	960.336		
13	Dây hàn điện dùng	cáp mềm nhiều sợi	Samwon/ Hàn	m	50	171.600	8.580.000	8%	686.400	9.266.400		

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	cho máy hàn que 3,2mm	1x25mm²	Quốc									
14	Kìm hàn điện	Model: 1000A Kìm hàn Total TWAH10006	Total/ Trung Quốc	cái	5	262.080	1.310.400	8%	104.832	1.415.232		
15	Kẹp mát máy hàn	giới hạn dòng: 500A	KNTD/ Trung Quốc	cái	5	73.320	366.600	8%	29.328	395.928		
16	Kéo cắt ống nhựa	Model: PVC Type 42	Top/ Trung Quốc	cái	2	254.280	508.560	8%	40.685	549.245		
17	Kìm cắt mini 125mm	Model: MNK-125 Tsunoda	Tsunoda/ Nhật Bản	cái	3	4.508.400	13.525.200	8%	1.082.016	14.607.216		
18	Bộ vít cách điện 13 món T	Model: Tolsen 38016	Tolsen/ Trung Quốc	bộ	2	999.960	1.999.920	8%	159.994	2.159.914		
19	Mô hàn cầm tay	Model: HAKKO FX600-07, điện 220v	HAKKO/ Nhật Bản	cái	2	2.308.800	4.617.600	8%	369.408	4.987.008		
20	Cờ lê 17	Cờ lê Top 17mm, 1 đầu tròn, 1 đầu ngầm	Top/ Trung Quốc	cái	3	99.840	299.520	8%	23.962	323.482		
21	Cờ lê 19	Cờ lê Top 19mm, 1 đầu tròn, 1 đầu ngầm	Top/ Trung Quốc	cái	3	115.440	346.320	8%	27.706	374.026		
22	Nắp hút mỡ đa năng.	dùng cho xô mỡ 15-20kg	Kako/ Trung Quốc	Cái	2	210.600	421.200	8%	33.696	454.896		
23	Súng bơm mỡ cầm tay	Model: 500CC Yato YT 0704	Yato/ Trung Quốc	cái	2	1.792.440	3.584.880	8%	286.790	3.871.670		
24	Máy Thổi Makita Chạy Pin	Model: DUB362Z – Dùng 2 Pin 18V	Makita/ Nhật Bản	Cái	1	11.560.400	11.560.400	8%	924.832	12.485.232	12 Tháng	Cung cấp CO/ CQ dịch ra tiếng việt, sao y chứng thực
25	Máy bơm dầu nhớt Bộ bơm dầu nhớt -	Model: L 220V-150W-60L, Ống hút xả 27mm	Piusi/ Trung Quốc	Cái	1	2.418.000	2.418.000	8%	193.440	2.611.440	12 Tháng	
26	Tay Bóp Xịt Rửa Vệ Sinh Máy Lạnh	loại 20cm và 35 cm . Có Gắn Khớp Nối 1/4 có tay bóp và đầu điều chỉnh tia nước	Bigtools/ Trung Quốc	Cái	2	265.200	530.400	8%	42.432	572.832		
27	Bộ tuýp Kingtony	Model: 4026MR03,	Kingtony/Đài	Bộ	1	3.790.800	3.790.800	8%	303.264	4.094.064		

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	1/2" hoa thị	24 chi tiết, 10-32mm	Loan									
28	Mũi khoan bê tông gài	φ6 dài 15cm	Makita/ Nhật Bản	cái	5	24.492	122.460	8%	9.797	132.257		
29	Mũi khoan bê tông gài	φ8 dài 15cm	Makita/ Nhật Bản	cái	5	29.952	149.760	8%	11.981	161.741		
30	Mũi khoan bê tông gài	φ10 dài 15cm	Makita/ Nhật Bản	cái	5	36.660	183.300	8%	14.664	197.964		
31	Mũi khoan bê tông gài	φ12 dài 15cm	Makita/ Nhật Bản	cái	5	42.120	210.600	8%	16.848	227.448		
32	Mũi khoan bê tông gài	φ14 dài 15cm	Makita/ Nhật Bản	cái	5	53.040	265.200	8%	21.216	286.416		
33	Cút nối dây điện nhanh	Model: KV774-2P	HT/Việt Nam	Cái	100	7.800	780.000	8%	62.400	842.400		
34	Kìm tuốt dây điện đa năng	Model: TD-694003949937	Touchi/ Trung Quốc	cái	2	224.640	449.280	8%	35.942	485.222		
35	Bút dò điện âm tường	Model: 1000V Tolsen 38110	Tolsen/ Trung Quốc	cái	1	316.680	316.680	8%	25.334	342.014		
36	Súng bắn đinh hạt nổ, súng bắn ty trần thạch cao	Kapusi K-6890 không cần sử dụng điện	Kapusi/Trung Quốc	cái	1	1.090.440	1.090.440	8%	87.235	1.177.675		
37	Súng Phun Sơn	Model: Yunica K-888G	Yunica/Đài Loan	cái	1	2.864.160	2.864.160	8%	229.133	3.093.293		
38	Đèn pin đội đầu siêu sáng	Model: TERINO K18A	TERINO/VN	cái	5	1.710.072	8.550.360	8%	684.029	9.234.389		
39	Dao rọc giấy	Model: SDI 0423	SDI/Việt Nam	cái	5	15.970	79.849	8%	6.388	86.236		
40	Túi Đựng Đồ Nghề	Model:TACTIX 323145# 30.5x25.4x28CM	Tactix/Đài Loan	cái	2	655.777	1.311.554	8%	104.924	1.416.479		
41	Túi đồ nghề đeo hông ToughBuilt	Nhãn hiệu: ToughBuilt TB-CT-114	ToughBuilt/ Trung Quốc c	cái	2	1.622.400	3.244.800	8%	259.584	3.504.384		
42	Xe đẩy hàng 4 bánh 300kg	Nhãn hiệu: Fact-Depot FD300 Xe đẩy: 4 bánh, Tải trọng: 300kg	Fact-Depot/Trung Quốc	cái	1	2.106.000	2.106.000	8%	168.480	2.274.480		
43	Bộ đồng hồ nạp ga lạnh đa năng.	Model : VMG-2-R134A-B	Value/ Trung Quốc	Bộ	1	2.106.000	2.106.000	8%	168.480	2.274.480		

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
44	Bộ lỗ ống (nong ống) đồng 5 chi tiết Workpro WP303001	Value VFT-808-MIS	Workpro/ Trung Quốc	Bộ	1	2.026.440	2.026.440	8%	162.115	2.188.555		
45	Mô hàn điện	120W Bakon BK2000 Điện áp đầu vào: AC230V/50HZ Dải nhiệt độ: 200-500°C Công suất tối đa: 120W Độ ổn định nhiệt độ: ±2°C	Bakon/Trung Quốc	cái	1	2.964.000	2.964.000	8%	237.120	3.201.120		
46	Mũ lưới trùm qua cổ (mũ phát cỏ)	Mũ bảo hộ cắt cỏ loại vải có lưới đen	An Phát/VN	cái	10	148.200	1.482.000	8%	118.560	1.600.560		
47	Palang lắc tay tải trọng 1 tấn	Nhãn hiệu: MAX/Ssangyong Tải trọng 1 tấn	MAX/ Trung Quốc	cái	1	3.235.440	3.235.440	8%	258.835	3.494.275		
48	Súng đo nhiệt độ đến 750 độ, 1 tia laser DT8750	tia laser DT8750	Meter/ Trung Quốc	cái	2	1.872.000	3.744.000	8%	299.520	4.043.520	12 Tháng	
49	Lưỡi dao phát cỏ	Lưỡi cắt cỏ honda 72511-VK9-A01	Honda/Trung Quốc	cái	5	530.400	2.652.000	8%	212.160	2.864.160		
50	Bát cước phát cỏ	Bát cước phát cỏ Thái Lan	Honda/Trung Quốc	cái	5	62.400	312.000	8%	24.960	336.960		
51	Cước phát cỏ	Cước phát cỏ vuông Thái Lan, màu đỏ, cuộn 5m	Honda/Trung Quốc	cuộn	2	234.000	468.000	8%	37.440	505.440		
52	Máy phát hiện rò rỉ khí gas Smartsensor AS8800A (0~50% LEL; ≤5% FS)	SMARTSENSOR Model: AS8800A Xuất xứ: Trung Quốc Bảo hành: 12 Tháng	Smartsensor/Trung Quốc	cái	1	2.496.000	2.496.000	8%	199.680	2.695.680	12 Tháng	
53	Cân đồng hồ	Cân bàn 100kg - Nhon Hòa	Nhon Hòa/VN	cái	1	2.059.200	2.059.200	8%	164.736	2.223.936		

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
54	Xe nâng tay cao	Model: CTY-E 1.5/1.6 Tải trọng: 1500kg chiều cao nâng 1600mm Chiều rộng x dài cang: (330~740) x 900mm Hệ thống nâng thủy lực dùng tay	Niuli/ Trung Quốc	Cái	1	18.184.960	18.184.960	8%	1.454.797	19.639.757	12 Tháng	Cung cấp CO/ CQ dịch ra tiếng việt, sao y chứng thực
55	Xe đẩy hàng 2 bánh	Xe 2 bánh Phong Thanh X370C; KT 440x480 x 1320, tải trọng 200kg	Phong Thanh/VN	Cái	1	2.184.000	2.184.000	8%	174.720	2.358.720		
56	Bộ dụng cụ sửa chữa điện	BỘ DỤNG CỤ SỬA CHỮA ĐIỆN 53 CHI TIẾT SATA 09-535(09535)	SATA/Trung Quốc	Bộ	1	7.319.520	7.319.520	8%	585.562	7.905.082		
57	Thang nhôm rút xếp đôi chữ A	Thang nhôm NKT AID-50Hãng : Nikita Chiều cao sử dụng chữ A 2,5mChiều cao chữ I: 5mSố bậc : 2x8 bậc	Nikita/Trung Quốc	Cái	1	4.836.000	4.836.000	8%	386.880	5.222.880		
58	Bóng đèn panel led	60x60cm - 50W	Rạng đông/VN	Cái	10	720.720	7.207.200	8%	576.576	7.783.776	12 Tháng	
59	Máy khoan Pin	Makita DHR182Z (AWS/BL) (18V),(Bao gồm 2 Pin và 1 bộ sạc pin)	MAKITA /Nhật Bản	Cái	1	6.062.160	6.062.160	8%	484.973	6.547.133	12 Tháng	
60	Xe đẩy hàng 4 bánh gấp gọn 300kg	Xe đẩy hàng 4 bánh gấp gọn GIGA 300kg – SY8021	Giga/ Trung Quốc	Cái	1	2.184.000	2.184.000	8%	174.720	2.358.720		
Thành tiền							159.974.043		12.797.923	172.771.966		

(Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).